



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 02 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm kiểm định INSTI**

Laboratory: **INSTI Verification Center**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Kiểm định và Thử nghiệm INSTI**

Organization: **Insti Verification and Testing Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1564**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Cơ**

Field: **Mechanical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Trần Mạnh Cường**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày /02/2026 đến ngày 07/02/2030**

Địa chỉ/Address: **145 Ngọc Hồi, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
No. 145 Ngoc Hoi Road, Yen So ward, Ha Noi city**

Địa điểm/ Location: **145 Ngọc Hồi, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
No. 145 Ngoc Hoi Road, Yen So ward, Ha Noi city**

Điện thoại/ Tel: **0985609141**

Email: **insti1564@gmail.com**

Website: **instiglobal.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1564

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ**

Field of testing: **Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Phòng sạch (x) <i>Clean room</i>	Thử nồng độ bụi <i>Airborne particle concentration test</i>	(1 ~ 9 999 999) hạt/m ³ Kích thước hạt/ <i>Particle size:</i> (0,3 ~ 10) µm	ISO 14644-1:2015
2.		Xác định độ rò rỉ màng lọc HEPA <i>Determination of HEPA filter leak</i>	(0,0001 ~ 100) % (1 ~ 9 999 999) hạt/m ³ Kích thước hạt/ <i>Particle size:</i> (0,3 ~ 10) µm Môi chất/ <i>Fluid:</i> PAO (polyalpha olefin)	ISO 14644-3:2019
3.		Đo lưu lượng dòng khí <i>Measure air flow</i>	Lưu lượng/ <i>Volume:</i> (40 ~ 3500) m ³ /h	
4.		Đo vận tốc gió <i>Measure wind speed</i>	Vận tốc/ <i>Velocity:</i> 0,01 /(0,2 ~ 25) m/s	
5.		Thử nhiệt độ, độ ẩm <i>Temperature, humidity test</i>	0,1 /(-30 ~ 60) °C 0,1/ (20 ~ 90) %RH	
6.		Thử chênh áp <i>Air pressure difference test</i>	(5 ~ 100) Pa	
7.		Thử độ hồi phục <i>Recovery test</i>	(1 ~ 60) phút/min	
8.		Kiểm tra hướng dòng khí <i>Airflow smoke pattern check</i>	-	
9.		Đo độ ồn <i>Measure sound level</i>	0,1 dB/ (35 ~ 120) dB	ISV-QTTN-01:2025
10.		Đo cường độ ánh sáng khả kiến <i>Measure of lighting level</i>	0,1 lux/ (0 ~ 9000) lux	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1564

Chú thích/ Note:

- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*;
- ISV-QTTN-01: Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory developed method*;
- Trường hợp Công ty Cổ phần Kiểm định và Thử nghiệm INSTI cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Kiểm định và Thử nghiệm INSTI phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Insti Verification and Testing Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

